

Bản án số: **66/2018/DS - ST**.

Ngày: 30/11/2018.

“V/v: Tranh chấp Hợp đồng góp hụi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Khanh.

2. Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai– Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2018/TLST - DS, ngày 11 tháng 10 năm 2018 về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2018/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2018/QĐST-DS, ngày 27/11/2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H; Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

* Bị đơn: 1. Bà Nguyễn Thị Hồng T (Nguyễn Thị T)

2. Ông Bùi Văn T1,

Cùng địa chỉ: **ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện ngày 09/10/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà làm chủ hụi, ông T1 và bà T là hụi viên; ông T1 và bà T có tham gia cùng bà 03 dây hụi, gồm:

Dây 1: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 25/02/2016 ãl, có 26 phần, ông T1 và bà T có tham gia 02 phần, hốt đầu 01 phần và châu hụi 01 phần, sau khi hốt hụi và châu hụi thì ông T1 và bà T không đóng hụi chết, nên bà khởi kiện thì Tòa án nhân dân huyện Kế Sách giải quyết đến phần thứ 21(20 phần do bản

án số 36/2018/DS-ST ngày 23/7/2018 của TAND huyện Kế Sách đã giải quyết) và số tiền còn lại bà đóng thay cho ông T1 và bà T 5 phần x 02 phần x 1.000.000 đồng/01phần là 10.000.000 đồng.

Dây 2: Hui tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 06/03/2016 âl, có 26 phần, ông T1 và bà T có tham gia 02 phần, hốt đầu 01 phần và châu hui 01 phần, sau khi hốt hui và châu hui thì ông T1 và bà T đóng tiếp 01 phần thì không đóng hui chết, nên bà khởi kiện thì Tòa án nhân dân huyện Kế Sách giải quyết đến phần thứ 21(19 phần do bản án số 36/2018/DS-ST ngày 23/7/2018 của TAND huyện Kế Sách đã giải quyết) và số tiền còn lại bà đóng thay cho ông T1 và bà T 5 phần x 02 phần x 1.000.000 đồng/01phần là 10.000.000 đồng.

Dây 3: Hui 1.000.000 đồng, mở ngày 15/09/2016 âl, có 25 phần, ông T1 và bà T có tham gia 02 phần, hốt đầu 01 phần và châu hui 01 phần, sau khi hốt hui và châu hui thì ông T1 và bà T không đóng hui chết, nên bà khởi kiện thì Tòa án nhân dân huyện Kế Sách giải quyết đến phần thứ 14(13 phần do bản án số 36/2018/DS-ST ngày 23/7/2018 của TAND huyện Kế Sách đã giải quyết) và số tiền còn lại bà đóng thay cho ông T1 và bà T 11 phần x 02 phần x 1.000.000 đồng/01phần là 22.000.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hui này bà đã đóng thay cho ông T1 và bà T số tiền 42.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu ông T1 và bà T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà số tiền hui 42.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và trả trong thời gian ngắn.

* Tại biên bản lấy khai 12/11/2018, biên bản hòa giải ngày 09/11/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày: Bà thừa nhận hiện nay bà còn nợ bà H 03 dây hui trên với số tiền 42.000.000 đồng tiền vốn.

Nay bà T đồng ý trả cho bà H số tiền trên, nhưng hàng quý trả cho bà H 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

* Tại biên bản lấy khai ngày 16/10/2018, biên bản hòa giải ngày 09/11/2018, bị đơn ông Bùi Văn T1 trình bày: Vợ ông là bà T thừa nhận còn nợ bà H tiền hui 42.000.000 đồng thì ông cũng thống nhất cùng bà T trả nợ, nhưng hàng quý trả cho bà H 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng các bị đơn vắng mặt không lý do; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên toà, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị Hồng T (Nguyễn Thị T) là bị đơn trong vụ án không có đơn yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai và ông T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T1 và bà T.

[2] Về nội dung vụ án: Bà H làm chủ hộ, ông T1 và bà T làm hộ viên; bà T thừa nhận có tham gia cùng bà H 03 dây hộ tháng, cụ thể như sau:

Dây 1: Hộ tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 25/02/2016 âl, có 26 phần, ông T1 và bà T có tham gia 02 phần, hót đầu 01 phần và châu hộ 01 phần, sau khi hót hộ và châu hộ thì ông T1 và bà T không đóng hộ chết, nên bà H khởi kiện thì Tòa án nhân dân huyện Kế Sách giải quyết đến phần thứ 21(20 phần do bản án số 36/2018/DS-ST ngày 23/7/2018 của TAND huyện Kế Sách đã giải quyết) và số tiền còn lại bà H đóng thay cho ông T1 và bà T 5 phần x 02 phần x 1.000.000 đồng/01phần là 10.000.000 đồng.

Dây 2: Hộ tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 06/03/2016 âl, có 26 phần, ông T1 và bà T có tham gia 02 phần, hót đầu 01 phần và châu hộ 01 phần, sau khi hót hộ và châu hộ thì ông T1 và bà T đóng tiếp 01 phần thì không đóng hộ chết, nên bà H khởi kiện thì Tòa án nhân dân huyện Kế Sách giải quyết đến phần thứ 21(19 phần do bản án số 36/2018/DS-ST ngày 23/7/2018 của TAND huyện Kế Sách đã giải quyết) và số tiền còn lại bà đóng thay cho ông T1 và bà T 5 phần x 02 phần x 1.000.000 đồng/01phần là 10.000.000 đồng.

Dây 3: Hộ 1.000.000 đồng, mở ngày 15/09/2016 âl, có 25 phần, ông T1 và bà T có tham gia 02 phần, hót đầu 01 phần và châu hộ 01 phần, sau khi hót hộ và châu hộ thì ông T1 và bà T không đóng hộ chết, nên bà khởi kiện thì Tòa án nhân dân huyện Kế Sách giải quyết đến phần thứ 14 (13 phần do bản án số 36/2018/DS-ST ngày 23/7/2018 của TAND huyện Kế Sách đã giải quyết) và số tiền còn lại bà đóng thay cho ông T1 và bà T 11 phần x 02 phần x 1.000.000 đồng/01phần là 22.000.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hộ này bà H đã đóng thay cho ông T1 và bà T số tiền 42.000.000 đồng.

Bà T và ông T1 sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994 cho đến nay đã 25 năm, tuy không có đăng ký kết hôn nhưng việc tham gia hộ của bà T theo bà T khai là nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình và chính ông T1 cũng thừa nhận, nên ông T1 có trách nhiệm cùng bà T liên đới trả số nợ trên cho bà H.

Nay bà H yêu cầu ông T1 và bà T trả số tiền trên trong thời gian ngắn; phía ông T1 và bà T đồng ý trả cho bà H số tiền hui gốc 42.000.000 đồng, nhưng xin trả hằng quý là 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. **Xét thấy**, ông T1 và bà T thừa nhận còn nợ bà H tiền hui đã trả thay là 42.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ khẳng định ông T1 và bà T còn nợ bà H số tiền hui là 42.000.000 đồng.

[3] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng góp hui giữa các bên đương sự nhận thấy: Bà H và ông T1 và bà T là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

[4] Xét về lỗi: Ông T1 và bà T là người có lỗi, vì đã vi phạm nghĩa vụ không đóng tiền hui cho bà H, chính việc vi phạm nghĩa vụ của ông T1 và bà T đã gây thiệt thòi đến quyền lợi của bà H. Do đó, ông T1 và bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền hui đã góp thay cho ông T1 và bà T là 42.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự và Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường. Tuy nhiên, tại Toà bà H không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với yêu cầu của bà T và ông T1 cho rằng do hoàn cảnh kinh tế của gia đình hiện nay khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho ông bà trả hằng quý là 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ. **Xét thấy**, yêu cầu này của bà T và ông T1 không được bà H đồng ý và thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án sau này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử buộc bà ông T1 và bà T liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.100.000 đồng.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ như nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; **điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228**; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 30 của Nghị định số:144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014.

* Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị Hồng T (Nguyễn Thị T) có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền hui đã đóng thay là 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị Hồng T (Nguyễn Thị T) có trách nhiệm liên đới chịu 2.100.000 đồng án phí.

- Bà Nguyễn Thị H không phải chịu. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.050.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004313 ngày 10/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

* Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với ông T1 và bà T là bị đơn có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.

Hồ Văn Phụng